

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Về việc ban hành một số định mức tạm thời hỗ trợ vật tư kỹ thuật trong chương trình
khuyến nông - khuyến lâm

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/ 11 / 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát Triển Nông Thôn;
- Căn cứ Nghị định số 13/CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ và Thông tư 02/LB-TT ngày 2/8/1993 của liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Lâm nghiệp, Thủy sản, Tài chính, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ về công tác khuyến nông;
- Xét đề nghị của Cục trưởng Cục khuyến nông và Khuyến lâm,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này bản định mức tạm thời hỗ trợ vật tư kỹ thuật cho mô hình khuyến nông-khuyến lâm. Các định mức không đề cập trong quyết định này sẽ vẫn được thực hiện theo các quyết định trước đây.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, các ông Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Khuyến nông - khuyến lâm và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Danh Mục Định Mức Khuyến Nông Mới Ban Hành

(Kèm theo Quyết định số 71/2001/QĐ-BNN ngày 29 tháng 6 năm 2001)

TT	Các Định Mức
1	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông sản xuất hạt giống lúa lai F1 (miền núi
2	và đồng bằng)
3	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông mô hình sử dụng phân bón chuyên dụng
4	cho chè (miền núi)
5	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông mô hình sản xuất rau sạch (ngô rau)
6	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông phát triển mì mạch trên đất bỏ hoá

7	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông sản xuất hoa cúc
8	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông vườn ươm hoa
9	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông thâm canh lúa cạn
10	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông phân bón thâm canh lúa cạn
11	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông sử dụng ong mắt đỏ phòng trừ sâu đục
12	thân ngô.
13	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông phòng trừ sâu bệnh héo xanh vi khuẩn
14	trên cà chua.
15	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông hoa lay ơn chất lượng cao
16	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông hoa hồng chất lượng cao
17	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông nhân giống khoai tây
18	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông nhân giống đậu xanh
19	Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông sản xuất nấm rơm
20	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại hồ tiêu
21	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật trồng và thâm canh giống thuốc lá mới
22	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật thâm canh vườn trồng xen cây ăn quả
23	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật trồng và thâm canh chè cành giống mới đặc sản
	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật trồng thử nghiệm giống lê chịu nhiệt Trung Quốc
	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật vườn nhân chồi ghép cà phê giống mới
	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật mô hình bao gói quả cam, bưởi, xoài
	Định mức hỗ trợ vật tư kỹ thuật mô hình phòng trừ bộ hại dừa

Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông sản xuất hạt giống lúa lai F1 (1 ha ở miền Núi)

1. Vật tư

Vật tư yêu cầu	Đang sử dụng	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ	Thành tiền
Giống	100 kg	Mẹ: 50 kg Bố : 10 kg	Mẹ: 50 kg Bố: 10 kg	Mẹ: 50 kg x 40000 đ/kg = 2.000.000 đ Bố: 10 kg x 10000 đ/kg = 100.000 đ

				Tổng : = 2.100.000 đ 250.000 đ Hỗ trợ: = 1.850.000 đ
Urê	190 kg	300 kg	110 kg	110 kg x 2300 đ/kg =
Lân	277 kg	567 kg	290 kg	253.000 đ
Kali	85 kg	195 kg	110 kg	290 kg x 1000 đ/kg =
Thuốc BVTV	1,0 kg	2,0 kg	1,0 kg	290.000 đ
Thuốc đặc hiệu bạc	1,5 kg	3,0 kg	1,5 kg	110 kg x 2300 đ/kg =
lá	0	400 g	160 kg	253.000 đ
GA3	0	165 kg	66 kg	1,0 kg x 100000 đ/kg =
Nilông + tre che mạ				100.000 đ
				1,5 kg x 110000 đ/kg =
				165.000 đ
				160 g x 6500 đ/g =
				1,040.000 đ
				66 kg x 15000 đ/kg =
				990.000 đ
Tổng cộng				4.941.000 đ

2. Kinh phí triển khai: 1.032.600 đ

Tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 ha: 5.973.600 đ.

Trong đó: + Vật tư: 4.941.000 đ.

+ Triển khai: 1.032.600 đ.

Kinh phí triển khai

1- Chi các hội nghị:

a) Tập huấn: 2 lần

- Tiền ăn: 10 người x 15.000 đ x 2 lần = 300.000 đ

- Tài liệu: 10 bộ x 400 đ/bộ x 2 lần = 8.000 đ

- Cán bộ tập huấn và biên soạn tài liệu: 2 lần = 36.000 đ

b) Hội nghị đầu bờ:

- Tiền xe: 160 km x 3000đ/km x 2 /20 ha = 48.000 đ

- Tiền ăn: 7 người x 15.000 đ = 105.000 đ
- Chè nước: 7 người x 500 đ = 3.500 đ
- Tài liệu hội nghị: 7 bộ x 300 đ = 2.100 đ

c) Tổng kết:

- Ăn: 10 người x 15.000 đ = 150.000 đ
- Nước uống: 10 người x 500 đ = 5.000 đ
- Tài liệu: 10 người x 500 đ = 5.000 đ

Tổng số tiền hội nghị: = 662.600 đ

2- Tiền thuê cán bộ theo dõi: 200.000 đ x 5 tháng/ 5ha = 200.000 đ

3- Tiền xăng xe kiểm tra 3%: = 170.000 đ

Tổng số tiền triển khai cho 1 ha: = 1.032.600 đ.

Định mức hỗ trợ chương trình khuyến nông sản xuất hạt giống lúa lai F1 (1 ha ở đồng bằng)

1. Vật tư

Vật tư yêu cầu	Đang sử dụng	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ	Thành tiền
Giống	100 kg	Mẹ: 50 kg Bố : 10 kg	Mẹ: 50 kg Bố: 10 kg	Mẹ: 50 kg x 40000 đ/kg = 2.000.000 đ Bố: 10 kg x 10000 đ/kg = 100.000 đ Tổng : = 2.100.000 đ <u>250.000 đ</u> Hỗ trợ: = 1.850.000 đ
Urê	190 kg	300 kg	110 kg	110 kg x 2.300 đ/kg =
Lân	277 kg	567 kg	290 kg	253.000 đ
Kali	85 kg	195 kg	110 kg	290 kg x 1000 đ/kg =
Thuốc BVTV	1,0 kg	2,0 kg	1,0 kg	290.000 đ
Thuốc đặc hiệu bạc	1,5 kg	3,0 kg	1,5 kg	110 kg x 2300 đ/kg =
lá	0	400 g	80 kg	253.000 đ

GA3	0	165 kg	35 kg	$1,0 \text{ kg} \times 100000 \text{ đ/kg} =$ 100.000 đ $1,5 \text{ kg} \times 110000 \text{ đ/kg} =$ 165.000 đ $80 \text{ g} \times 6500 \text{ đ/g} = 520.000$ đ $35 \text{ kg} \times 15000 \text{ đ/kg} =$ 525.000 đ
Nilông + tre che mưa				
Tổng cộng				3.956.000 đ

2. Kinh phí triển khai: 1.032.600 đ

Tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 ha: 4.988.600 đ.

Trong đó: + Vật tư: 3.956.000 đ.

+ Triển khai: 1.032.600 đ.

Kinh phí triển khai

1- Chi các hội nghị:

a) Tập huấn: 2 lần

- Tiền ăn: 10 người x 15.000 đ x 2 lần = 300.000 đ

- Tài liệu: 10 bộ x 400 đ/bộ x 2 lần = 8.000 đ

- Cán bộ tập huấn và biên soạn tài liệu: 2 lần = 36.000 đ

b) Hội nghị đầu bờ:

- Tiền xe: 160 km x 3000đ/km x 2 /20 ha = 48.000 đ

- Tiền ăn: 7 người x 15.000 đ = 105.000 đ

- Chè nước: 7 người x 500 đ = 3.500 đ

- Tài liệu hội nghị: 7 bộ x 300 đ = 2.100 đ

c) Tổng kết:

- Ăn: 10 người x 15.000 đ = 150.000 đ

- Nước uống: 10 người x 500 đ = 5.000 đ

- Tài liệu: 10 người x 500 đ = 5.000 đ

Tổng số tiền hội nghị: = 662.600 đ

2- Tiền thuê cán bộ theo dõi: 200.000 đ x 5 tháng/ 5ha = 200.000 đ